TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2019
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Hằng**
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ; Ông Phạm Thuận.
- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tiến Bách** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 17.4.2019, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh V**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: K436/H28/4 đường N, tổ 33 phường K, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1978; Địa chỉ K436/H28/4 đường N, tổ 33 phường K, quận Thanh K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà và ông Nguyễn Quốc H xây dựng gia đình vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và gây gổ. Bà và ông H đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H.

Về quan hệ con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18.4.2009. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc H mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản hòa giải của Trung tâm hòa giải - đối thoại ý kiến của ông H như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V.

Về con chung: Ông xác định có 01 con Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18.4.2009 và thống nhất giao con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không thỏa thuận được và yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh V đối với ông Nguyễn Quốc H.

Xử cho bà Lê Thị Thanh V được ly hôn ông Nguyễn Quốc H; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V giao con chung Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18.4.2009 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tại Trung tâm hòa giải - đối thoại ông H có ý kiến yêu cầu chia tài sản nhưng quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì nên không có cơ sở giải quyết; Nợ chung hai bên đều xác định không có nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Quốc H tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Thanh V và ông Nguyễn Quốc H xây dựng gia đình vào năm 2008, có đăng ký kết hôn vào ngày 30.7.2008 (*Số 110 quyển số 01/2008*) tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm nhau. Tại phiên tòa bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn ông Nguyễn Quốc H. Ông H vắng mặt nhưng tại Trung tâm hòa giải - đối thoại ngoài Tòa án ông H cũng đồng ý ly hôn, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có đánh đập nhau, hiện tại đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà V là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà V và ông H có 01 con Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18.4.2009. Ly hôn, bà V yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng

nuôi con. Tại trung tâm hòa giải ông H cũng đồng ý theo yêu cầu của bà V nên cần chấp nhận yêu cầu của của Nguyên đơn giao con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà V xác định không có, ông H yêu cầu giải quyết nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ án ông H vắng mặt trong suốt thời gian tố tụng và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà V và ông H đều xác định không có nên không đề cập đến.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh V về tranh chấp "Ly hôn" đối với ông Nguyễn Quốc H.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh V được ly hôn ông Nguyễn Quốc H

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh N, sinh ngày 18.4.2009 cho bà Lê Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Quốc H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà V xác định không có, ông H không có ý kiến gì nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nên không giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà V phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 4677 ngày 17.4.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

Nơi nhận:
-Tòa án ND thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát ND TP Đà Nẵng;
-VKSND quận Thanh khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.